

Số: 1720/TB-TTBVTV

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 11 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY**  
(Từ ngày 07/11/2019 đến ngày 13/11/2019)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Tuần qua, thời tiết các nơi trong tỉnh ngày nắng gián đoạn, chiều và tối có mưa nhiều nơi, gió hướng Bắc - Đông Bắc, tốc độ gió 3 - 4 m/s.

Thời tiết	Nhiệt độ ( $^{\circ}C$ )			Âm độ (%)			Tổng số giờ nắng (giờ)	Lượng mưa (mm)
	TB	Tối cao	Tối thấp	TB	Tối cao	Tối thấp		
Trong tuần	27,0	30,4	24,9	81,3	86,0	75,0	38,0	17,7
Dự báo tuần tới	26,5	33,0	23,0	80,0			45,0	10,0

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

**2.1. Cây lúa**

❖ **Vụ Thu Đông 2019:** Xuống giống 118.649 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Đẻ nhánh: 260 ha;      - Làm đòng: 5.614 ha;      - Trổ chín: 24.748 ha;
- Thu hoạch: 88.026 ha, năng suất bình quân 5,59 tấn/ha.

❖ **Vụ Đông Xuân 2019-2020:** Xuống giống 99.108 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Mạ: 43.909 ha;      - Đẻ nhánh: 51.210 ha;      - Làm đòng: 3.989 ha.

**2.2. Hoa màu**

❖ **Hoa màu Thu Đông 2019:** Thu hoạch 3.159,1 ha/7.194,5 ha diện tích xuống giống (Phụ lục 1).

❖ **Hoa màu Đông Xuân 2019 - 2020:** Xuống giống 595 ha (Phụ lục 2).

\* **Ghi chú:** Số liệu hoa màu trong tuần được ghi nhận 06/12 huyện, thành phố báo cáo, gồm các huyện: Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Lấp Vò, Lai Vung và Tp. Cao Lãnh.

### 2.3. Cây ăn trái

Diện tích trồng cây lâu năm 29.873,8 ha, trong đó ăn trái là 29.220 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Lấp Vò, Tháp Mười, Tp. Cao Lãnh và Tp. Sa Đéc (*Phụ lục 3*).

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY

### 1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm nhẹ 30 ha trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, mật số sâu 10 - 20 con/m<sup>2</sup>, không tăng so với tuần trước.

- Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm nhẹ 200 ha trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, tỷ lệ bệnh 5 - 10%, giảm 200 ha so với tuần trước.

- Bệnh cháy bìa lá: Diện tích nhiễm nhẹ 150 ha trên lúa giai đoạn làm đòng - trổ chín, tỷ lệ bệnh 10 - 20%, giảm 830 ha so với tuần trước.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Ốc brou vàng, chuột, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt,... xuất hiện rải rác hoặc gây hại ở mức nhẹ.

### 2. Hoa màu

Sâu tơ, bọ hà, bệnh sương mai,... xuất hiện rải rác. Riêng đối tượng sâu keo mùa thu hại bắp chưa phát hiện diện tích nhiễm mới.

### 3. Cây ăn trái

- Cây có múi: Nhện, bệnh ghẻ nám gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Cây xoài: Bọ trĩ, rầy bông xoài gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Bệnh chổi rồng trên nhãn: Diện tích nhiễm 405 ha, trong đó nhiễm trung bình 72 ha với tỷ lệ bệnh 20 - 30%, còn lại nhiễm nhẹ, giảm 170 ha so với tuần trước.

### 4. Hoa kiểng

Bọ trĩ, nhện đỏ, bệnh đốm lá vi khuẩn trên hoa cúc và hoa hồng xuất hiện gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

\* **Ghi chú:** Số liệu tình hình sinh vật gây hại cây trồng được ghi nhận 07/12 huyện, thành phố báo cáo và nhập số liệu trên phần mềm PPDMS 2.0, gồm các huyện: Tân Hồng, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Châu Thành, Lai Vung và Tp. Sa Đéc.

## III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI

### 1. Trên cây lúa

- Rầy nâu: Rầy tuổi 4 - 5, trưởng thành tiếp tục phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn cuối đẻ nhánh - đòng trổ. Bên cạnh đó, rầy nâu sẽ di trú với mật số trung bình do lúa Thu Đông muộn thu hoạch sắp dứt điểm.

- Sâu cuốn lá: Tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm lúc đầu vụ có khả năng bị hại nặng.

- Bệnh đạo ôn lá, cháy bìa lá: Diện tích và mức nhiễm có thể gia tăng do điều kiện thời tiết và giai đoạn lúa thích hợp cho bệnh phát sinh phát triển. Cục bộ có diện tích nhiễm nặng ở những ruộng trồng giống nhiễm như IR 50404, OM 4218, Jasmine 85, VD 20, nếp,... sạ dày, bón thừa phân đạm.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Chuột, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

## **2. Trên hoa màu, cây ăn trái và hoa kiểng**

- Hoa màu: Sâu ăn tạp, sâu đục trái, sâu đục thân, bọ trĩ, bệnh thán thư, bệnh đốm lá,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Cây ăn trái: Sâu đục cành, bệnh thán thư, cháy lá, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Hoa kiểng: Bệnh đốm đen, đốm lá vi khuẩn trên hoa hồng và hoa cúc xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

## **IV. ĐỀ NGHỊ**

- Khu vực chuẩn bị xuống giống lúa Đông Xuân 2019 – 2020 trong đợt 2 từ ngày **19/11 - 29/11/2019 (23/10 – 04/11/2019 âl)** cần vệ sinh kỹ đồng ruộng, tu sửa đê bao, cống đập, đặc biệt là theo dõi chặt chẽ tình hình rầy vào đền, thời tiết, chủ động phương tiện, điều kiện thoát nước tốt,... để bảo đảm xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy hiệu quả trên từng ô bao, cánh đồng nhằm hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của rầy nâu và bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá.

- Áp dụng tốt các giải pháp kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, bón vùi phân bón theo tỷ lệ 100% DAP, 50% Kali trước khi trực trạc đất lần cuối, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM),... giúp lúa sinh trưởng và phát triển tốt, hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của các đối tượng dịch hại, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận.

- Kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để áp dụng các biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Có thể phun thuốc ngừa bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt khi lúa trổ lẹt xẹt và trổ đều. Tuân thủ tốt nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc.

- Không phun thuốc trừ sâu bệnh, thuốc kích thích sinh trưởng cho lúa ít nhất 20 ngày trước thu hoạch nhằm bảo đảm thời gian cách ly, an toàn thực phẩm; thu gom bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng để hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Đề nghị Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị, thành phố phân công cán bộ kỹ thuật phối hợp với địa phương tiếp tục điều tra, phát hiện sâu keo mùa thu hại bắp (quan sát kỹ giai đoạn cây bắp có từ 3-9 lá) đồng thời chú ý trên các loại cây trồng khác (lúa, rau màu); theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất,

sâu bệnh và báo cáo định kỳ hàng tuần về Chi cục Trồng trọt và BVTV đúng theo quy định (địa chỉ mail: [phongkythuat.ccttbvtvdongthap@gmail.com](mailto:phongkythuat.ccttbvtvdongthap@gmail.com))./.

***Nơi nhận:***

- Cục BVTV (HN & VP tại TP. HCM);
- TT.BVTV Phía Nam (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm DVNN&NSNT (nhờ chuyển các Hội quán);
- Chi cục PTNT (nhờ chuyển các HTX);
- Phòng NN & PTNT, Phòng kinh tế;
- Trung tâm DVNN các huyện, thị, Tp;
- Phòng PA 81;
- Báo đài;
- Lưu: VT, P. KT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Văn Chấn**

## PHỤ LỤC

### 1. Hoa màu vụ Thu Đông 2019

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
<b>I/ Cây lương thực</b>		<b>973,0</b>	<b>719,6</b>
1	Bắp ăn tươi	853,0	629,6
2	Bắp dùng làm TAGS	120,0	90,0
<b>II/ Cây chất bột có củ</b>		<b>900,9</b>	<b>62,0</b>
1	Ấu	143,2	0,0
2	Khoai lang	665,0	50,0
3	Khoai môn	87,7	11,0
4	Củ sắn	5,0	1,0
<b>III/ Rau các loại</b>		<b>4.056,0</b>	<b>1.652,5</b>
1	Dưa leo	126,6	54,5
2	Rau muống	124,0	50,0
3	Dưa hấu	294,2	129,7
4	Bầu, bí, mướp	224,0	147,8
5	Khổ qua	31,8	27,1
6	Cà chua	1,2	1,2
7	Hành	224,0	14,0
8	Ớt	711,7	296,1
9	Nấm rơm	146,3	32,6
10	Bắp non	160,2	0,0
11	Củ cải trắng	98,5	22,0
12	Bắp cải	2,0	2,0
13	Kiệu	44,0	24,0
14	Hoa màu khác	1.867,6	851,5
<b>IV/ Đậu các loại</b>		<b>68,2</b>	<b>26,2</b>
1	Đậu xanh	30,7	21,2
2	Đậu khác	37,5	5,0
<b>V/ Cây công nghiệp</b>		<b>18,3</b>	<b>2,0</b>
1	Đậu nành	4,0	0,0
2	Đậu phộng	2,0	2,0
3	Mè	8,2	0,0
4	Bó	4,1	0,0
<b>VI/ Cây hàng năm</b>		<b>1.178,1</b>	<b>696,8</b>
1	Hoa kiếng	539,4	367,8
2	Sen	405,2	298,5
3	Mồng toi lấy hạt	50,5	18,5
4	Cây làm TAGS	183,0	12,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.194,5</b>	<b>3.159,1</b>

## 2. Hoa màu vụ Đông Xuân 2019 - 2020

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Ngày sau trồng
<b>I/ Cây lương thực</b>		<b>13,5</b>	
1	Bắp ăn tươi	13,5	10 - 14
<b>II/ Rau các loại</b>		<b>323,0</b>	
1	Dưa leo	1,0	10 - 14
2	Dưa hấu	106,9	10 - 14
3	Bầu, bí, mướp	29,0	10 - 14
4	Ớt	149,0	10 - 14
5	Hoa màu khác	37,1	10 - 14
<b>III/ Đậu các loại</b>		<b>8,0</b>	
1	Đậu xanh	8,0	10 - 14
<b>IV/ Cây hàng năm</b>		<b>250,5</b>	
1	Sen	250,5	10 - 14
<b>Tổng cộng</b>		<b>595,0</b>	-

## 3. Cây ăn trái

TT	Chủng loại	Diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Xoài</b>	<b>9.664,5</b>
	<i>Xoài Cát hòa lộc</i>	2.055,6
	<i>Xoài Cát chu</i>	4.297,7
	<i>Xoài Tượng da xanh</i>	1.706,2
	<i>Xoài khác</i>	1.604,9
<b>2</b>	<b>Nhãn</b>	<b>4.761,7</b>
	<i>Nhãn Long</i>	103,4
	<i>Nhãn Tiêu da bò</i>	1.877,2
	<i>Nhãn Châu Thành</i>	2.611,6
	<i>Nhãn xuống</i>	27,2
	<i>Nhãn khác</i>	142,3
<b>3</b>	<b>Quýt</b>	<b>3.298,3</b>
	<i>Quýt Hồng</i>	873,1
	<i>Quýt Đường</i>	2.423,1
	<i>Quýt khác</i>	2,0
<b>4</b>	<b>Cam</b>	<b>2.737,3</b>
	<i>Cam soàn</i>	1.183,6
	<i>Cam sành</i>	623,4

	<i>Cam mật, Cam dây</i>	874,6
	<i>Cam khác</i>	55,7
<b>5</b>	<b>Chanh</b>	1.707,3
<b>6</b>	<b>Bưởi</b>	334,6
<b>7</b>	<b>Ổi</b>	1.198,8
<b>8</b>	<b>Dừa</b>	654,0
<b>9</b>	<b>Mít</b>	583,0
<b>10</b>	<b>Thanh long</b>	119,6
<b>11</b>	<b>Cây ăn trái khác</b>	2.676,2
<b>12</b>	<b>Vườn tạp</b>	2.138,7
<b>Tổng cộng</b>		<b>29.873,8</b>

Ngày in :12/11/2019 4:13:26 PM

ĐƠN VỊ: ĐỒNG THÁP

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 46 năm 2019

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
<b>Nhóm cây: Cây ăn quả</b>													
Cây có múi	Nhện nhỏ	tăng trưởng	5 - 10		13	0	0	<b>13</b>	0	13.0	13.0	13	Lai Vung
	Bệnh sẹo (ghè nhám)	tăng trưởng	5		9	0	0	<b>9</b>	0	-5.0	9.0	0	Châu Thành
	Bệnh loét	tăng trưởng	5 - 10		3	0	0	<b>3</b>	0	3.0	3.0	3	Lai Vung
Dừa	Bọ cánh cứng	tăng trưởng	10 - 40		17	3	0	<b>20</b>	0	0.0	20.0	0	Châu Thành
Nhãn	Chối rồng nhãn	tăng trưởng	5 - 50		333	72	0	<b>405</b>	0	-170.0	382.0	2	Châu Thành, Cao Lãnh
	Bệnh sương mai (thối trái)	tăng trưởng	3 - 5		18	0	0	<b>18</b>	0	-7.0	18.0	0	Châu Thành
Xoài	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		3	0	0	<b>3</b>	0	3.0	3.0	3	TX Sa Đéc
	Rầy bông xoài	tăng trưởng	5 - 7		2,5	0	0	<b>2,5</b>	0	2.5	2.5	0	TX Sa Đéc
<b>Nhóm cây: Hoa và cây cảnh</b>													
Hoa cúc	Bệnh héo xanh vi khuẩn	tăng trưởng	5 - 10		0,3	0	0	<b>0,3</b>	0	0.3	0.3	0,3	TX Sa Đéc
Hoa hồng	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		2,4	0	0	<b>2,4</b>	0	2.4	2.4	2,4	TX Sa Đéc
	Nhện đỏ	tăng trưởng	5 - 10		0,5	0	0	<b>0,5</b>	0	0.5	-0.2	0,5	TX Sa Đéc
<b>Nhóm cây: Lúa</b>													
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	ĐN	5 - 10		200	0	0	<b>200</b>	0	-200.0	-30.0	0	Cao Lãnh
	Chuột	TC	2.5 - 5		156	0	0	<b>156</b>	0	156.0	116.0	0	Thanh Bình

	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	LĐ-TC	10	20	150	0	0	<b>150</b>	0	-830.0	90.0	100	Tân Hồng
	Sâu cuốn lá nhỏ	LĐ	10	20	30	0	0	<b>30</b>	0	0.0	-218.0	300	Tân Hồng
<b>Nhóm cây: Rau màu</b>													
Bầu bí	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		0,3	0	0	<b>0,3</b>	0	0.3	0.3	0,3	TX Sa Đéc
Khoai lang	Bọ hà	tăng trưởng	5 - 10		11	0	0	<b>11</b>	0	-6.0	11.0	0	Châu Thành